

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP: SỰ KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN VƯỢT BẬC CÁC GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG TIẾN BỘ CỦA NHÂN LOẠI

✦ TS. HOÀNG VĂN KHẢI

Học viện Chính trị khu vực IV

Ngày tiếp nhận: 25/8/2025 Ngày bình duyệt: 10/9/2025 Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

• **Tóm tắt:** Tuyên ngôn Độc lập không chỉ là văn kiện pháp lý khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn là bản hùng ca kết tinh các giá trị tiến bộ của nhân loại. Bằng trí tuệ và bản lĩnh cách mạng, Hồ Chí Minh đã kế thừa tinh hoa tư tưởng nhân loại, từ tư tưởng Khai sáng phương Tây đến chủ nghĩa Mác - Lênin, để phát triển sáng tạo, hình thành một hệ thống lập luận sắc bén khẳng định quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của dân tộc Việt Nam. Giá trị của Tuyên ngôn Độc lập vẫn giữ nguyên sức sống, trở thành nguồn cảm hứng lý luận và hành động cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, thúc đẩy hội nhập quốc tế và phát triển của dân tộc trong kỷ nguyên mới.

• **Từ khóa:** Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh, tư tưởng tiến bộ nhân loại

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, long trọng tuyên bố với toàn thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã trở thành một nước tự do và độc lập”¹. Đây không chỉ là sự kiện chính trị trọng đại của lịch sử dân tộc Việt Nam, mà còn là một tuyên bố tư tưởng có giá trị vượt thời đại, đặt nền móng cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện lịch sử mới của dân tộc.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện pháp lý - chính trị - tư tưởng đặc biệt, trong đó kết tinh sâu sắc giá trị truyền thống dân

tộc, tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập - tự do của nhân dân Việt Nam, đồng thời kế thừa chọn lọc những tinh hoa tư tưởng của nhân loại về quyền con người, quyền dân tộc, dân chủ và bình đẳng. Qua bản Tuyên ngôn, Hồ Chí Minh không chỉ tuyên bố sự tồn tại của một quốc gia độc lập - có chủ quyền, mà còn thiết lập những tư tưởng mới, trong đó quyền con người và quyền dân tộc gắn bó biện chứng với nhau - một đóng góp lý luận quan trọng cho kho tàng tư tưởng nhân loại thế kỷ XX.

1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập ra đời trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt - sự kết tinh giữa

khát vọng độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam với phong trào đấu tranh vì tự do, dân chủ và quyền con người lan rộng trên thế giới. Văn kiện lịch sử này được đặt nền móng trên một hệ thống tư tưởng phong phú, trong đó bao gồm tư tưởng truyền thống của dân tộc Việt Nam, tinh thần cách mạng tư sản phương Tây và đặc biệt là tư tưởng Mác - Lênin về quyền dân tộc tự quyết và giải phóng các dân tộc bị áp bức.

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa một cách sâu sắc tư tưởng nhân văn truyền thống của dân tộc Việt Nam, thể hiện trong khát vọng độc lập, ý chí tự cường và tinh thần yêu nước nồng nàn. Những giá trị này được nuôi dưỡng qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, kết tinh trong các giai đoạn lịch sử của dân tộc và chính điều này làm nền cho việc chủ động tiếp thu tinh hoa nhân loại.

Thứ hai, trong quá trình hoạt động cách mạng quốc tế, Hồ Chí Minh đã trực tiếp tiếp cận với tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, đặc biệt là các bản Tuyên ngôn của Cách mạng Mỹ (1776) và Cách mạng Pháp (1789). Những tuyên ngôn này nhấn mạnh quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người, khẳng định con người sinh ra đều bình đẳng và có quyền chống lại sự áp bức. Chính từ những nguyên lý đó, Hồ Chí Minh đã khéo léo vận dụng trong *Tuyên ngôn Độc lập* như một cơ sở pháp lý - đạo lý để khẳng định quyền chính đáng của dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, điểm đặc sắc và mang tính bản lề của *Tuyên ngôn Độc lập* là sự kết hợp nhuần nhuyễn với tư tưởng Mác - Lênin. Chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp cho Hồ Chí Minh một thế giới quan và phương pháp luận khoa học để nhận thức về vai trò lịch sử của quần chúng nhân dân, mối liên hệ giữa quyền con người và quyền dân tộc,

giữa giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Quan điểm về quyền dân tộc tự quyết được V.I.Lênin phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ cách mạng vô sản là nền tảng lý luận quan trọng để Hồ Chí Minh xây dựng lập luận biện chứng trong bản *Tuyên ngôn*. Theo đó, không có giải phóng dân tộc thì không thể có giải phóng con người và ngược lại, quyền con người chỉ thực sự có giá trị khi dân tộc được tự do và bình đẳng.

Cùng với đó, cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn* chính là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 - kết quả của quá trình vận động, tổ chức và lãnh đạo nhân dân đứng lên giành chính quyền từ tay thực dân, phong kiến. Trong hoàn cảnh vừa giành độc lập, nước Việt Nam mới ra đời đã phải đối mặt với âm mưu xâm lược trở lại của thực dân Pháp với sự hậu thuẫn của các thế lực phản động quốc tế; bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ có ý nghĩa tuyên bố với nhân dân trong nước mà còn mang tính tuyên cáo với toàn thế giới, nhằm tranh thủ sự thừa nhận và ủng hộ; đồng thời khẳng định tư cách pháp lý - chính trị của một quốc gia độc lập.

Như vậy, *Tuyên ngôn Độc lập* được kiến tạo trên nền tảng lý luận phong phú: sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tư tưởng truyền thống dân tộc, tinh thần nhân quyền của cách mạng tư sản và lý luận giải phóng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây chính là cơ sở để bản *Tuyên ngôn* trở thành một văn kiện có giá trị lịch sử, pháp lý và tư tưởng vượt thời đại, góp phần nâng tầm vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

2. Những giá trị tư tưởng tiến bộ của nhân loại được kế thừa trong Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một văn kiện đặc biệt về phương diện lý luận chính trị, trong đó

thể hiện rõ sự kế thừa tinh thần và nội dung của nhiều giá trị tư tưởng tiến bộ đã được nhân loại xác lập qua các cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở phương Tây. Đặc biệt, hai bản tuyên ngôn nổi tiếng - *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ (1776) và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp (1789) đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh trích dẫn ngay ở phần đầu bản *Tuyên ngôn*, thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo các giá trị phổ quát về quyền con người và quyền dân tộc.

Trước hết, trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ do Thomas Jefferson khởi thảo năm 1776 đã nêu một nguyên lý nền tảng: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa ban cho họ những quyền không thể xâm phạm được, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”². Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các quyền con người được xác lập như một chuẩn mực đạo lý - pháp lý không thể bị xâm phạm.

Tiếp đó, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp năm 1789 tuyên bố rằng: “Người sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”³. Tuyên ngôn của Pháp đã phát triển sâu sắc giá trị bình đẳng, dân chủ và chống chuyên chế; trở thành nền tảng cho tư tưởng pháp quyền ở châu Âu.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn những nguyên lý nền tảng nhất trong hai bản tuyên ngôn trên, đưa vào phần mở đầu của bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”⁴. Và Người lập luận đầy sắc sảo: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”⁵. Đây là một cách sử dụng

tư tưởng tư sản phương Tây như một *vũ khí lập luận sắc bén*, buộc các thế lực đế quốc, trong đó có chính quốc của hai bản tuyên ngôn trên, phải công nhận quyền độc lập dân tộc của Việt Nam như là sự hiện thực hóa những nguyên lý chính trị mà họ từng khởi xướng.

Không chỉ dừng lại ở việc trích dẫn, Hồ Chí Minh còn *kế thừa có sáng tạo các luận điểm triết học Khai sáng*. Những tư tưởng của John Locke về “quyền tự nhiên” và “khế ước xã hội” của Rousseau về chủ quyền nhân dân, hay của Montesquieu về phân quyền và pháp quyền... đều ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức của Hồ Chí Minh về quyền con người, về nhà nước pháp quyền và vai trò của nhân dân trong thể chế chính trị hiện đại. Tuy nhiên, Người không tiếp thu một cách máy móc, mà chuyển hóa các giá trị đó thành lý luận và thực tiễn cách mạng phù hợp với hoàn cảnh thuộc địa nửa phong kiến của Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Cùng với đó, một sự kế thừa ảnh hưởng hết sức quan trọng đó là ảnh hưởng của *tư tưởng Mác - Lênin về quyền dân tộc tự quyết*, nhất là những tư tưởng của V.I.Lênin. Nếu như tư tưởng phương Tây nhấn mạnh quyền cá nhân thì chủ nghĩa Mác - Lênin đặt trọng tâm vào quyền dân tộc, quyền của các dân tộc bị áp bức vươn lên giành độc lập. Tư tưởng này được Chủ tịch Hồ Chí Minh vận dụng khi khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay... dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”⁶. Đây là sự chuyển hóa khái niệm “quyền con người” từ cấp độ cá nhân sang cấp độ cộng đồng dân tộc - một đóng góp lý luận rất độc đáo của Hồ Chí Minh trong dòng chảy tư tưởng nhân loại.

Như vậy, bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một sự kế thừa chọn lọc và sáng tạo các giá trị tư

tưởng tiến bộ của nhân loại, kết hợp tinh thần nhân quyền của phương Tây với lý luận cách mạng vô sản, đưa vào thực tiễn đấu tranh giành độc lập của một dân tộc thuộc địa. Giá trị tư tưởng của *Tuyên ngôn* vì thế không chỉ thuộc về Việt Nam, mà còn có ý nghĩa quốc tế, góp phần thúc đẩy tiến trình giải phóng dân tộc và khẳng định các giá trị phổ quát của loài người trong thế kỷ XX.

3. Sự phát triển vượt bậc của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Tuyên ngôn Độc lập

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 không chỉ là sự tiếp thu tinh hoa tư tưởng nhân loại, mà còn thể hiện sự phát triển vượt bậc mang tính sáng tạo độc đáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Bản *Tuyên ngôn* là minh chứng sống động cho trí tuệ và bản lĩnh chính trị của một nhà tư tưởng kiệt xuất, người đã đưa khái niệm quyền con người vượt khỏi giới hạn cá nhân để hòa quyền với quyền dân tộc trong hoàn cảnh một nước thuộc địa đấu tranh giành độc lập.

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đã nâng tầm luận đề “*quyền con người*” lên thành “*quyền dân tộc*” - một bước phát triển mang tính lý luận rất lớn. Nếu các bản Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp nhấn mạnh đến quyền tự nhiên, bất khả xâm phạm của mỗi cá nhân, thì Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁷. Sự thay thế khái niệm “mọi người” bằng “mọi dân tộc” đã mở rộng phạm vi áp dụng của các quyền cơ bản sang bình diện cộng đồng - dân tộc. Đây là một sự phát triển mang tính biện chứng, phản ánh chân thực thực tiễn các dân tộc thuộc địa bị áp bức, đồng thời đánh dấu một đóng góp lý luận mới vào kho tàng tư tưởng về nhân quyền trên thế giới.

Thứ hai, Hồ Chí Minh thể hiện sự sáng tạo vượt bậc trong kết cấu lập luận chính trị - tư tưởng. Văn bản *Tuyên ngôn* được xây dựng trên ba trụ cột: (1) kế thừa tinh thần của các bản tuyên ngôn kinh điển phương Tây để làm cơ sở pháp lý - đạo lý; (2) phân tích thực trạng lịch sử áp bức của thực dân Pháp tại Việt Nam để đưa ra lập luận phản biện sắc bén; (3) tuyên bố ý chí của toàn dân tộc Việt Nam trong việc khẳng định chủ quyền quốc gia. Cách lập luận vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết, kết hợp lý trí và cảm xúc, đã tạo nên một văn kiện có tính hiệu triệu cao, chạm đến trái tim của hàng triệu người dân Việt Nam, đồng thời thuyết phục dư luận quốc tế.

Thứ ba, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển sâu sắc tư tưởng Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Trong khi chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh đến quyền dân tộc tự quyết như một nội dung cốt lõi trong chiến lược cách mạng vô sản toàn thế giới, thì Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa nguyên lý đó bằng hành động chính trị là *Tuyên ngôn Độc lập*, đưa quyền dân tộc từ phạm trù lý luận thành hiện thực lịch sử. Người khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”⁸ - một lập luận mang tính đạo lý, pháp lý và thực tiễn rất cao.

Thứ tư, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sự sáng tạo trong phong cách diễn ngôn. Không dùng những từ ngữ học thuật phức tạp, Người chọn lối diễn đạt mạch lạc, súc tích, rõ ràng, dễ hiểu mà giàu sức lay động. Mỗi luận điểm là một lời đanh thép đấu tranh với luận điệu phản động; mỗi lời tuyên bố là một lời hiệu triệu thiêng liêng đến toàn thể quốc dân. Bản *Tuyên ngôn* trở thành một biểu tượng ngôn ngữ chính trị có

sức lan tỏa, đi vào lòng người và trở thành tài sản tinh thần vô giá của dân tộc.

Cùng với đó, *Tuyên ngôn* là *tuyên bố chính trị - pháp lý xác lập vị thế quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, đồng thời phản ánh tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh về quan hệ quốc tế. Trong bối cảnh các thế lực đế quốc đang toan tính chia lại thuộc địa sau Thế chiến II, việc công bố một quốc gia độc lập, với đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, là bước đi khôn ngoan và quyết đoán, nhằm khẳng định với thế giới rằng: Việt Nam có chủ quyền, có nhân dân làm chủ và xứng đáng được tôn trọng bình đẳng như mọi quốc gia khác trên thế giới.

Có thể nói, *Tuyên ngôn Độc lập* là một sáng tạo tư tưởng - chính trị mang dấu ấn Hồ Chí Minh, kết tinh tầm vóc trí tuệ, bản lĩnh và tầm nhìn chiến lược của một lãnh tụ vĩ đại. Qua *Tuyên ngôn*, Hồ Chí Minh không chỉ bảo vệ độc lập cho dân tộc Việt Nam, mà còn đóng góp một tư tưởng mới, sâu sắc và nhân văn vào tiến trình phát triển lý luận chính trị của nhân loại trong thế kỷ XX. Làm rõ các sáng tạo trong việc mở rộng khái niệm quyền con người sang quyền dân tộc, cách thức vận dụng ngôn ngữ chính luận và lập luận biện chứng; tư tưởng Mác - Lênin về quyền dân tộc tự quyết và giải phóng dân tộc, gắn với lập trường quốc tế vô sản, bảo vệ các dân tộc bị áp bức và khẳng định tư cách bình đẳng của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế.

4. Giá trị lý luận, pháp lý và thực tiễn của Tuyên ngôn Độc lập trong thời đại mới

Trong thời đại mới - kỷ nguyên phát triển độc lập, tự chủ, hội nhập và phát triển bền vững - bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1945 tiếp tục khẳng định giá trị lý luận sâu sắc, nền tảng pháp lý vững chắc và ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Những giá

trị ấy không chỉ còn nguyên vẹn, mà ngày càng trở nên thiết yếu trước những biến động nhanh chóng của tình hình quốc tế và yêu cầu đổi mới toàn diện ở trong nước.

Về giá trị lý luận, *Tuyên ngôn Độc lập* là văn kiện tiêu biểu kết tinh tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền dân tộc, dân chủ, bình đẳng và tự do. Bản *Tuyên ngôn* thể hiện một cách mạnh mẽ quan điểm rằng: chỉ khi dân tộc được độc lập, thì nhân dân mới có điều kiện thực hiện các quyền tự do, dân chủ của mình một cách thực chất. Sự gắn kết biện chứng giữa quyền con người và quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn* là một đóng góp lý luận đặc sắc, làm phong phú thêm hệ tư tưởng nhân quyền của thế giới và khẳng định một nguyên lý nền tảng trong tư tưởng Hồ Chí Minh: *Không có độc lập dân tộc thì không có tự do cá nhân thực sự.*

Về giá trị pháp lý, *Tuyên ngôn Độc lập* có tính chất như một bản “tuyên cáo lập quốc”, xác lập cơ sở pháp lý đầu tiên và tối cao cho sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Văn bản này thể hiện ý chí và nguyện vọng chính trị của toàn thể nhân dân Việt Nam, đồng thời gửi đến cộng đồng quốc tế một tuyên bố rõ ràng về chủ quyền, lãnh thổ và thể chế chính trị. Ngày nay, tinh thần pháp lý đó tiếp tục là nền tảng để Việt Nam bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, toàn vẹn quốc gia, đấu tranh chống lại các hành vi xâm phạm độc lập dân tộc, đồng thời khẳng định vị thế pháp lý bình đẳng của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Về giá trị thực tiễn, *Tuyên ngôn Độc lập* cung cấp một hệ quy chiếu tư tưởng - chính trị xuyên suốt cho quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong thời đại hội nhập, bản *Tuyên ngôn* giúp khẳng định rõ lập trường

của Việt Nam về quyền dân tộc tự quyết, độc lập - tự chủ, song song với hợp tác bình đẳng và phát triển bền vững. Điều này thể hiện rõ trong đường lối đối ngoại hiện nay của Đảng và Nhà nước, thể hiện qua phương châm: “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁹, nhất quán thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa.

Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam đang có những bước đi chuyển mình mạnh mẽ sang kỷ nguyên phát triển mới, *Tuyên ngôn Độc lập* trở thành một trụ cột lý luận và cảm hứng tinh thần cho khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng. Đảng ta đã xác định rõ trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIII: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”¹⁰. Trong đó, những giá trị về tự do, dân chủ, nhân quyền và độc lập dân tộc mà *Tuyên ngôn Độc lập* đề cao là nền tảng lý luận - tinh thần để xây dựng một Việt Nam hiện đại, bản sắc, có vị thế quốc tế.

Không dừng lại ở phạm vi quốc gia, bản *Tuyên ngôn* còn có giá trị tham chiếu trong quan hệ quốc tế hiện đại, giúp Việt Nam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong các tranh chấp, đàm phán đa phương và thúc đẩy sự tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia. Tư tưởng “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹¹ là cơ sở để Việt Nam tích cực tham gia vào các diễn đàn quốc tế, đóng góp vào

xây dựng trật tự quốc tế công bằng, dân chủ, văn minh.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện không chỉ có ý nghĩa lịch sử, mà còn mang tính chất chiến lược đối với hiện tại và tương lai của đất nước. Những giá trị lý luận, pháp lý và thực tiễn của bản *Tuyên ngôn* là nguồn động lực mạnh mẽ để Việt Nam vững vàng tiến bước trong kỷ nguyên độc lập, tự chủ và hội nhập toàn diện, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Gắn với nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chủ quyền quốc gia, thực thi nhân quyền, thúc đẩy dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát triển đất nước độc lập, tự chủ, hùng cường trong kỷ nguyên mới.

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 là một trong những văn kiện chính trị - tư tưởng có giá trị to lớn và trường tồn trong lịch sử dân tộc Việt Nam hiện đại. Không chỉ tuyên bố khai sinh một quốc gia mới, bản *Tuyên ngôn* còn mang sứ mệnh cao cả: khẳng định quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của một dân tộc đã từng chịu đựng ách đô hộ hơn tám thập niên. *Tuyên ngôn* là kết tinh của truyền thống yêu nước, tư tưởng tiến bộ của nhân loại và trí tuệ cách mạng Việt Nam trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc làm rõ giá trị lý luận - tư tưởng của *Tuyên ngôn* là cần thiết để củng cố hệ giá trị nền tảng cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của đổi mới toàn diện, phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. ■

1,2,3,4,5,6,7,8,11 Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.4, tr.3, 1, 1, 1, 3, 1, 3, 1.

9,10 Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr.162, 111-112.